TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07- 6- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Th ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Anh Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: tổ 05, ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hội Đ, huyện An Ph, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Trương Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: tổ 01, ấp Hòa L, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang *(Chị Th yêu cầu vắng mặt, anh T vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2003, chị và anh Trương Văn T được gia đình tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp (Giấy chứng nhận kết hôn số 157, quyển số 01/2005, ngày 05/9/2005). Nguyên nhân mâu thuẫn: vào năm 2012, sau khi sinh đứa con thứ hai thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh T đi mượn nợ dùm nhiều người khác, chủ nợ đòi anh T, chị khuyên nhưng anh không nghe, từ đó vợ chồng cự cãi nhau, lúc chị mang thai được 08 tháng thì vợ chồng cự cãi và bị anh T rượt đánh, do bị động thai nên sinh non và sau khi ra

viện, chị về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, anh T và gia đình cũng không tới lui hàn gắn, ly thân suốt chín năm nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trương Phi Hồ, sinh ngày 29/4/2004 và Trương Thị Như Q, sinh ngày 01/7/2013 do chị đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay, đứa con tên Trương Phi H đến tháng 4/2022 đã tròn 18 tuổi, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, yêu cầu được tiếp tục nuôi Trương Thị Như Q, không cần cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được ông Trần Văn Ph (cha ruột của chị Th) cho biết: Qúa trình sống với gia đình chồng thì nghe Th nói lại là cha mẹ chồng khó tính, vợ chồng Th Thờng xuyên cự cãi. Không biết cụ thể mâu thuẫn đến mức độ nào mà khi Th mang bầu đứa con thứ hai, lúc đó được tám tháng, Th bị chồng đánh động thai phải nhập viện và sinh non, sau khi ra viện thì Th xin được về nhà ông để sống, vợ chồng ông rướt Th và hai cháu về sống tại nhà từ đó đến nay cũng được khoảng chín năm. Suốt chín năm, T không hề tới lui thăm con cái, cha mẹ T cũng không tới lui thăm cháu, không hàn gắn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho Th được ly hôn và tiếp tục nuôi hai đứa con chung, vì hai đứa con đã theo Th từ khi ly thân đến nay được nuôi dạy, học hành đầy đủ, đã sống ổn định với Th.

Tòa án tiến hành xác minh được chị Nguyễn Thị Kim Ph (chị dâu của anh T) cho biết: Th và T là vợ chồng có hai đứa con chung tên Trương Phi H và Trương Thị Như H. Sau khi đám cưới thì Th sống với gia đình chồng, mâu thuẫn như thế nào thì chị không biết rõ nhưng có nghe cự cãi nhau, Th và T đã ly thân chín năm nay, sau khi đi bệnh viện sinh em bé thì Th về nhà cha mẹ ruột ở An Phú sống đến nay cùng với hai đứa con, Th ly hôn với T, chị không có ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được ông Lê Văn K – đại diện ấp Hòa Lợi, xã Phú Hiệp cho biết: anh Trương Văn T có đăng ký hộ khẩu tại ấp Hòa Lợi, xã Phú Hiệp. Anh T và chị Th là vợ chồng, không còn chung sống nhiều năm nay, anh T đi làm ở xa, không rõ đi đâu và cũng không thể biết được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị Th, anh T.

Tòa án thu thập nguyên vọng của cháu Trương Thị Như Q, thể hiện được tiếp tục sống với chị Trần Thị Anh Th. Cháu Trương Phi H đã trưởng thành có ý kiến tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thu ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân chị Th, anh T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T đi mượn nợ dùm nhiều người khác, chủ nợ đòi anh T, chị khuyên nhưng anh không nghe, từ đó vợ chồng cự cãi nhau, lúc chị mang thai được tám tháng thì vợ chồng cự cãi và anh T rượt đánh chị, do bị động thai nên sinh sớm và sau khi ra viện, chị về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, anh T và gia đình anh cũng không tới lui, ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị Th yêu cầu xin ly hôn, cho thấy hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Anh Th được ly hôn với anh Trương Văn T. Về con chung: từ khi ly thân đến nay, hai con chung tên Trương Thị Như Q và Trương Phi H do chị Th nuôi dưỡng, được chăm sóc, giáo dục, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung, cần giao cháu Trương Thị Như Q cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, cháu Hồ đã trưởng thành và có yêu cầu không giải quyết vì có quyền tự quyết định được sống với ai. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chia tài sản và nợ chung không có, không xem xét; về án phí, chị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều

228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Anh Th và anh Trương Văn T được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị không làm được đều đó, trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập anh Trương Văn T để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh đều không đến, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, tại đơn ly hôn và bản tự khai chị Th thể hiện cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T, nên có căn cứ xác định anh chị không còn quan T đối với mối quan hệ hôn nhân này, nếu tiếp tục duy trì thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc, nên cần chấp nhận cho chị Trần Thị Anh Th được ly hôn với anh Trương Văn T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung tên Trương Thị Như Q và Trương Phi H do chị Th đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành và có yêu cầu không xem xét giải quyết vì có quyền tự quyết định riêng của mình, cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Th. Chị Th có yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ bảy tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Cháu Q hiện đang sống chung chị Th, được chị và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định và có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Th. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Q cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng cho con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Th xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trần Thị Anh Th phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trương Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Anh Th.

1. Về hôn nhân: chị Trần Thị Anh Th được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Như Q, sinh ngày 01/7/2013 cho chị Trần Thị Anh Th trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được, anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Anh Th phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004425 ngày 31/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Trương Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú Hiệp, H.Phú Tân, Tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung